TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Đỗ Thị Linh Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980;

- Bị đơn: anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: thôn A, xã M, huyện S, tỉnh N.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 10/4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh đập chị. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên là Huỳnh Lệ Huyền Tr, sinh ngày 03/02/2007 và Huỳnh Văn Tr1, sinh ngày 02/11/2008. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn T nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Long.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Hồng L có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Huỳnh Văn T; địa chỉ: thôn A, xã M, huyện S, tỉnh N. Chị L xin ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 10/4/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên đánh đập chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L cương quyết xin ly hôn, còn anh T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị L và anh T có 02 con chung tên là Huỳnh Lệ Huyền Tr, sinh ngày 03/02/2007 và Huỳnh Văn Tr1, sinh ngày 02/11/2008. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai, các cháu Tr và Tr1 đều có nguyện vọng ở với mẹ, hiện chị L đang trực tiếp chăm sóc các con nên giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tâm, sinh lý của các cháu. Vì vậy, cần giao các cháu Tr và Tr1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: giao hai cháu Huỳnh Lệ Huyền Tr, sinh ngày 03/02/2007 và Huỳnh Văn Tr1, sinh ngày 02/11/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị L đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012290 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Minh, huyên Quế Sơn (Giấy CNKH số 16 ngày 10/4/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.